

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2023

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hải

Bà Hà Thị Mơ

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Đinh Thị Hoa L, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Hoa L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 23/3/2018. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Đức B, sinh ngày 16/9/2018. Sau khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Đinh Thị Hoa L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và nhận được các giấy triệu tập hợp lệ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua ông Đinh Văn Nhất bố đẻ chị L nhận thay và cam kết sẽ thông báo, giao lại cho chị L biết. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L không lần nào đến Tòa án để tham gia tố tụng vì thế không có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Thông qua ông Nhất thì chị L có biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình với anh T, nhưng vì lý do công việc nên chị không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Thông qua gia đình chị có quan điểm là đồng ý ly hôn, các văn bản tố tụng tiếp theo ông Nhất sẽ nhận và cam kết thông báo cho chị L biết.

3. Tại biên bản làm việc với Trưởng khu và đại diện UBND xã X có nội dung:

Chị L và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Đề nghị căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự và con chung.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

Về nội dung vụ án đề nghị hướng giải quyết như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T được ly hôn chị Đinh Thị Hoa L.

Về con chung: Giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Đức B, sinh ngày 16/9/2018 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên, anh T tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Bùi Văn T được miễn vì anh có đơn đề nghị là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Bùi Văn T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn chị Đinh Thị Hoa L đang cư trú tại xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] *Tại phiên tòa hôm nay* nguyên đơn anh Bùi Văn T vắng mặt, tuy nhiên anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đinh Thị Hoa L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị Hoa L và anh Bùi Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ vào ngày 23/3/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Đinh Thị Hoa L và anh Bùi Văn T được đại diện khu dân cư và Ủy ban nhân dân xã X cho biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị L do vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị phải sống ly thân. Thông qua bố đẻ là ông Nhất thì chị L cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Do vậy cần xử cho anh T được ly hôn chị L là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị L và anh T có 01 con chung tên là Bùi Đức B, sinh ngày 16/9/2018. Sau khi ly hôn cần tiếp tục giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung để đảm B cuộc sống ổn định cho con chung. Anh T tự nguyện không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung cần chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh T được miễn theo quy định của pháp luật vì anh đã có đơn đề nghị là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T được ly hôn chị Đinh Thị Hoa L.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Đức B, sinh ngày 16/9/2018 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên, anh T tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Anh T và các thành viên gia đình không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Bùi Văn T được miễn toàn bộ vì anh có đơn đề nghị là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Anh T đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo số 49/TB-TA, ngày 08/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã X,
huyện YL, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn Anh

